

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2011

THÔNG TƯ

Quy định tổ chức quản lý hoạt động Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09/6/2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 1244/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 5 năm 2011-2015;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý hoạt động Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015 như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định tổ chức quản lý hoạt động Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước (sau đây gọi là Chương trình), bao gồm: xây dựng khung chương trình, xác định, tuyển chọn, xét chọn, triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình và đánh giá tổng kết Chương trình, nhằm thực hiện Quyết định số 1244/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 5 năm 2011-2015, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.

Chương trình gồm có Chương trình khoa học công nghệ, Chương trình khoa học xã hội và nhân văn. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình bao gồm: đề tài (đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ tiềm năng, đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn), dự án sản xuất thử nghiệm và nhiệm vụ khác (sau đây gọi chung là đề tài, dự án).

2. Thông tư này không áp dụng đối với đề tài, dự án thuộc Chương trình do tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài, cá nhân người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài chủ trì thực hiện.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý Chương trình

1. Việc quản lý Chương trình phải thực hiện theo Luật Khoa học và Công nghệ; bảo đảm vai trò quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và của các Bộ, ngành có liên quan; bảo đảm trách nhiệm, quyền hạn của Ban chủ nhiệm Chương trình, Tổ chức chủ trì đề tài, dự án (sau đây gọi là Tổ chức chủ trì) và Chủ nhiệm đề tài, dự án.

2. Hoạt động quản lý Chương trình phải bảo đảm để Chương trình triển khai thực hiện theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ đã được phê duyệt.

3. Việc sử dụng kinh phí của Chương trình phải đúng mục đích, có hiệu quả, không lãng phí và theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Mã số Chương trình, đề tài, dự án

Mã số Chương trình, đề tài, dự án được ghi như sau: KC.XX.DAYY/11-15, KC.XX.TNYY/11-15 và KX.XX.YY /11-15 trong đó:

1. KC là ký hiệu chung cho các Chương trình thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ;

2. KX là ký hiệu chung cho các Chương trình thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn;

3. Nhóm XX là nhóm 2 chữ số ghi số thứ tự của Chương trình theo số thứ tự được ghi trong Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

4. Nhóm DAYY, TNYY trong đó YY là nhóm 2 chữ số ghi số thứ tự của các đề tài, dự án thuộc Chương trình; DA là chỉ dự án; TN là chỉ đề tài tiềm năng;

5. 11-15 là ký hiệu chung cho các Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015;

6. Giữa nhóm 2 chữ cái ký hiệu lĩnh vực với nhóm chữ số thứ tự Chương trình là dấu chấm; giữa nhóm chữ số thứ tự Chương trình và nhóm chữ số thứ tự đề tài, dự án là dấu chấm; giữa nhóm chữ số thứ tự đề tài, dự án với nhóm chữ số ký hiệu giai đoạn là dấu gạch chéo.

Điều 4. Thông tin về Chương trình, đề tài, dự án

1. Thông tin về Chương trình, đề tài, dự án được đăng tải tại cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ, trên trang thông tin điện tử của Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước (sau đây gọi tắt là Văn phòng các Chương trình) và trên Báo Khoa học và Phát triển, trừ thông tin đặc biệt liên quan đến bí mật nhà nước.

2. Ban chủ nhiệm Chương trình, Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm trong việc thông tin nội dung quy định tại Khoản 1 Điều

này và tuyên truyền, phổ biến, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Chương trình, đề tài, dự án.

Chương II

TỔ CHỨC QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

Điều 5. Tổ chức bộ máy quản lý Chương trình

1. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, cùng Bộ, ngành liên quan, Ban chủ nhiệm Chương trình, Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm đề tài, dự án thuộc Chương trình có trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình.

a) Các vụ chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện vai trò quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ trong tổ chức quản lý Chương trình, cùng Văn phòng các Chương trình giúp Bộ trưởng thực hiện trách nhiệm, quyền hạn của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tại Điều 10 của Thông tư này;

b) Văn phòng các Chương trình là đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện chức năng quản lý hoạt động các Chương trình.

2. Tổ chức bộ máy Chương trình gồm: Ban chủ nhiệm Chương trình và thư ký hành chính của Chương trình.

Ban chủ nhiệm Chương trình do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập, có nhiệm vụ giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức, quản lý việc thực hiện Chương trình.

Điều 6. Trách nhiệm, quyền hạn của Ban chủ nhiệm Chương trình

1. Ban chủ nhiệm Chương trình chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thực hiện mục tiêu và sản phẩm của Chương trình đã được phê duyệt, về trình độ khoa học, công nghệ các kết quả của Chương trình đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Ban chủ nhiệm Chương trình có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Tổ chức xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, xét chọn các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án, đánh giá, nghiệm thu kết quả đề tài, dự án thuộc Chương trình;

b) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng các Chương trình và các đơn vị có liên quan trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các tổ chức, cá nhân hoàn thiện thuyết minh đề tài, dự án sau khi có quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận tổ chức, cá nhân trúng tuyển chủ trì đề tài, dự án; thẩm định nội dung và kinh phí các đề tài, dự án thuộc Chương trình sau khi hoàn thiện theo hướng dẫn, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định;

c) Xây dựng kế hoạch hàng năm trên cơ sở mục tiêu, nội dung và sản phẩm dự kiến của Chương trình đã được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công

nghe phê duyệt để thực hiện Chương trình; đề xuất nội dung điều chỉnh, bổ sung hàng năm và phối hợp với Văn phòng các Chương trình tổ chức thực hiện sau khi được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt;

d) Xây dựng báo cáo (định kỳ 6 tháng, hàng năm; sơ kết; tổng kết) kết quả thực hiện của Chương trình gửi Văn phòng các Chương trình để tổng hợp báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

đ) Ký duyệt Thuyết minh các đề tài, dự án thuộc Chương trình theo nội dung và kinh phí của các đề tài, dự án đã được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt; cùng Văn phòng các Chương trình ký Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) thực hiện đề tài, dự án và tổ chức nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng với Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm đề tài, dự án;

e) Theo dõi, đôn đốc quá trình thực hiện các đề tài, dự án thuộc Chương trình và giải quyết các vấn đề nảy sinh thuộc thẩm quyền; định kỳ 6 tháng và hàng năm chủ trì phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ chủ quản kiểm tra việc thực hiện các đề tài, dự án thuộc Chương trình; xác nhận khối lượng và kết quả thực hiện của đề tài, dự án để làm căn cứ thanh, quyết toán và cấp tiếp kinh phí cho đề tài, dự án;

g) Đề xuất khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích, đề nghị xử lý hành vi vi phạm của Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm đề tài, dự án trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

3. Ban chủ nhiệm Chương trình chịu trách nhiệm xác định phương hướng hoạt động hợp tác quốc tế của đề tài, dự án theo hướng hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Nội dung hợp tác quốc tế phải giải quyết những vấn đề khoa học, công nghệ đạt trình độ của khu vực, phải căn cứ trên các vấn đề cụ thể được xác định trong thuyết minh đề tài, dự án; khả năng của đối tác; nguồn kinh phí thực hiện và hiệu quả của hợp tác và được thể hiện trong biên bản thẩm định nội dung kinh phí của đề tài, dự án nêu tại mục b Khoản 2 của Điều này.

4. Ban chủ nhiệm Chương trình được bảo đảm các điều kiện về kinh phí, phương tiện làm việc và các chế độ theo quy định hiện hành.

5. Ban Chủ nhiệm Chương trình sử dụng con dấu của Văn phòng các Chương trình trong các công văn giao dịch có nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban chủ nhiệm Chương trình.

Ban chủ nhiệm Chương trình hoạt động theo Quy chế hoạt động do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Điều 7. Trách nhiệm, quyền hạn của Văn phòng các Chương trình

Văn phòng các Chương trình có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách hàng năm của các Chương trình và của Văn phòng các Chương trình để Bộ Khoa học và Công nghệ tổng

hợp, bố trí vào kế hoạch và dự toán ngân sách chung về khoa học và công nghệ;

2. Phối hợp với Ban chủ nhiệm chương trình ký duyệt Thuyết minh các đề tài, dự án thuộc các Chương trình theo nội dung và kinh phí của các đề tài, dự án đã được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt; cùng Ban chủ nhiệm Chương trình ký Hợp đồng thực hiện đề tài, dự án và tổ chức nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng với Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm đề tài, dự án;

3. Thực hiện cấp và thanh toán kinh phí cho Tổ chức chủ trì đề tài, dự án theo tiến độ ghi trong Hợp đồng; tổng hợp kế hoạch mua sắm máy móc, trang thiết bị của các đề tài, dự án thuộc các Chương trình trình Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt;

4. Bảo đảm các điều kiện cho hoạt động quản lý, điều hành của các Chương trình; phối hợp và hỗ trợ các Ban chủ nhiệm Chương trình tổ chức hoạt động tư vấn của các Hội đồng khoa học và công nghệ và các công việc khác liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành của các Chương trình;

5. Phối hợp với các Ban chủ nhiệm Chương trình kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện và sử dụng ngân sách của các đề tài, dự án thuộc các Chương trình; theo dõi, tổng hợp việc huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước của các đề tài, dự án; phát hiện, xử lý kịp thời theo thẩm quyền những vướng mắc, sai sót trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình và việc mua sắm máy móc, trang thiết bị của các đề tài, dự án thuộc các Chương trình; đề xuất biện pháp xử lý và báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định đối với những trường hợp vượt quá thẩm quyền;

6. Xây dựng báo cáo quyết toán kinh phí của các Chương trình gửi Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định; tổng hợp, xây dựng các báo cáo định kỳ, đột xuất, sơ kết giữa kỳ, tổng kết về kết quả thực hiện các Chương trình trên cơ sở báo cáo của các Ban chủ nhiệm Chương trình;

7. Phối hợp với các đơn vị chức năng có liên quan thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức hướng dẫn nghiệp vụ về tài chính-kế toán, quản lý, cho các Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm đề tài, dự án thuộc các Chương trình;

8. Xây dựng cơ sở dữ liệu về tổ chức, tài chính, hoạt động và kết quả của các Chương trình; xây dựng và vận hành trang thông tin điện tử của các Chương trình; tổ chức công tác thống kê các Chương trình;

9. Đầu mối tiếp nhận, tổng hợp đề xuất, kiến nghị của các Ban chủ nhiệm Chương trình về những vấn đề liên quan đến xây dựng, quản lý hoạt động của các Chương trình để trình hoặc phối hợp với các đơn vị có liên quan trực thuộc Bộ trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và thông báo các quyết định của Bộ trưởng đến các Ban chủ nhiệm Chương trình và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Việc phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ trong xử lý tổng hợp các vấn đề liên quan đến xây dựng, quản lý hoạt động của các Chương trình được thực hiện theo quy định phối hợp công tác giữa các đơn vị chức năng có liên quan trực thuộc Bộ trong tổ chức quản lý chương trình do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Điều 8. Trách nhiệm, quyền hạn của Tổ chức chủ trì thực hiện đề tài, dự án

1. Chịu trách nhiệm về nội dung, kết quả của đề tài, dự án thuộc Chương trình do đơn vị chủ trì thực hiện.

2. Cùng Chủ nhiệm đề tài, dự án ký kết với Ban chủ nhiệm Chương trình và Văn phòng các Chương trình Hợp đồng thực hiện đề tài, dự án.

3. Chịu trách nhiệm với tư cách pháp nhân trong việc quản lý, tổ chức thực hiện đề tài, dự án và cùng Chủ nhiệm đề tài, dự án thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh các cam kết trong Hợp đồng về:

a) Bảo đảm cơ sở vật chất (máy móc, trang thiết bị, nhà xưởng, phương tiện) và nhân lực để thực hiện đề tài, dự án;

b) Điều phối kế hoạch, tiến độ thực hiện đề tài, dự án;

c) Các điều khoản khác thuộc trách nhiệm của Tổ chức chủ trì.

4. Quản lý kinh phí được cấp, huy động đủ và cấp đúng tiến độ kinh phí từ các nguồn kinh phí đã cam kết trong hợp đồng; tổ chức đấu thầu, mua sắm và quản lý máy móc, trang thiết bị của đề tài, dự án theo quy định hiện hành.

5. Thực hiện chế độ báo cáo với Bộ Khoa học và Công nghệ (thông qua Văn phòng các Chương trình và Ban chủ nhiệm Chương trình) theo quy định. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với đề tài, dự án trong quá trình thực hiện và sau khi đề tài, dự án đã được đánh giá nghiệm thu.

6. Tổ chức quản lý, khai thác, chuyển giao các kết quả của đề tài, dự án theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ nhiệm đề tài, dự án

1. Tổ chức thực hiện đề tài, dự án; chịu trách nhiệm về tính trung thực, về giá trị khoa học, trình độ nghiên cứu và về hiệu quả của kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án; có phương án ứng dụng kết quả hoặc phương án thương mại hoá sản phẩm từ kết quả của đề tài, dự án.

2. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, có hiệu quả theo nội dung của Hợp đồng; thực hiện thanh, quyết toán kinh phí của đề tài, dự án theo quy định hiện hành.

3. Được bảo đảm các điều kiện để thực hiện đề tài, dự án theo thỏa thuận trong Hợp đồng và đề xuất, kiến nghị các điều chỉnh khi cần thiết.

4. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện đề tài, dự án theo Hợp đồng. Thực hiện báo cáo định kỳ (6 tháng một lần) và báo cáo đột xuất về tình hình triển khai nhiệm vụ, sử dụng kinh phí của đề tài, dự án.

5. Thực hiện việc công bố, giao nộp, chuyển giao kết quả, sản phẩm của đề tài, dự án theo quy định hiện hành.

Điều 10. Trách nhiệm, quyền hạn của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành tổ chức xây dựng, phê duyệt danh mục các Chương trình trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ quốc gia; hướng dẫn triển khai thực hiện các Chương trình.

2. Ban hành hoặc phối hợp với các Bộ, ngành hữu quan ban hành các văn bản về cơ chế, tổ chức bộ máy quản lý Chương trình và phối hợp với các Bộ chủ quản để tổ chức thực hiện.

3. Tổ chức xây dựng, phê duyệt mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm của Chương trình.

4. Phê duyệt danh mục đề tài, dự án để tổ chức tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện; quyết định công nhận các tổ chức, cá nhân trúng tuyển chủ trì đề tài, dự án; phê duyệt nội dung và kinh phí của các đề tài, dự án thuộc các Chương trình; xem xét và quyết định điều chỉnh nội dung, kinh phí trong trường hợp cần thiết khi thực hiện các Chương trình.

Quyết định bổ sung các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất và bố trí kế hoạch thực hiện trong các Chương trình.

5. Tổng hợp và cân đối kinh phí thực hiện các Chương trình để bố trí vào kế hoạch ngân sách khoa học và công nghệ hàng năm. Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc bảo đảm tài chính cho hoạt động của các Chương trình. Phê duyệt quyết toán và tổng hợp quyết toán kinh phí hàng năm của các Chương trình gửi Bộ Tài chính.

6. Quyết định phê duyệt hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng tổ chức chủ trì phê duyệt kế hoạch và kết quả đấu thầu mua sắm máy móc, trang thiết bị cho các đề tài, dự án thuộc Chương trình theo quy định của pháp luật.

7. Giám sát, kiểm tra, thanh tra hoạt động của các Chương trình, đề tài, dự án trong quá trình thực hiện và sau khi các Chương trình, đề tài, dự án đã được đánh giá nghiệm thu.

8. Quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài, dự án thuộc Chương trình; giao quyền cho tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài dự án thuộc Chương trình đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả đề tài, dự án theo quy định của pháp luật.

9. Đánh giá kết quả, tổng kết hoạt động các Chương trình.

10. Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình và kết quả thực hiện các Chương trình.

Điều 11. Trách nhiệm, quyền hạn của các Bộ chủ quản

1. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc xây dựng mục tiêu, nội dung Chương trình, xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc các lĩnh vực có liên quan; tạo điều kiện cho các Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm đề tài, dự án trực thuộc thực hiện có kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao.

2. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ kiểm tra, giám sát và đôn đốc các Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm đề tài, dự án trực thuộc thực hiện đúng những cam kết trong hợp đồng.

Chương III

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Điều 12. Xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình

1. Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định việc tổ chức xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc các Chương trình.

2. Ban chủ nhiệm Chương trình chủ trì, phối hợp với Văn phòng các Chương trình và các đơn vị chức năng có liên quan trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức việc xác định nhiệm vụ.

Việc xác định nhiệm vụ thực hiện theo văn bản quy định về xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp nhà nước và văn bản quy định về xác định đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ tiềm năng do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Điều 13. Tổ chức tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình

1. Ban chủ nhiệm Chương trình chủ trì, phối hợp với Văn phòng các Chương trình và các đơn vị chức năng có liên quan trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức việc tuyển chọn, xét chọn các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án thuộc Chương trình.

2. Việc tuyển chọn, xét chọn các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án thực hiện theo văn bản quy định về tuyển chọn, xét chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp nhà nước và văn bản quy định về tuyển chọn, xét chọn các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ tiềm năng do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Điều 14. Thẩm định đề tài, dự án

1. Ban chủ nhiệm Chương trình chủ trì phối hợp với Văn phòng các chương trình và các vụ chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định nội dung và kinh phí của các Đề tài, dự án.

2. Việc thẩm định các đề tài, dự án được thực hiện theo văn bản quy định về thẩm định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp nhà nước do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

3. Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tham khảo ý kiến tư vấn của các chuyên gia trong nước, nước ngoài đối với kết quả thẩm định trước khi quyết định.

Điều 15. Giao nhiệm vụ và ký hợp đồng

1. Ban chủ nhiệm Chương trình và Văn phòng các Chương trình ký Hợp đồng thực hiện đề tài, dự án với Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm đề tài, dự án. Mẫu Hợp đồng do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

2. Hàng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ giao nhiệm vụ và hướng dẫn nội dung, kế hoạch của Chương trình cho các Ban chủ nhiệm Chương trình, Văn phòng các Chương trình đồng thời thông báo nội dung này cho Bộ chủ quản (đối với các nhiệm vụ do các cơ quan trực thuộc chủ trì) trong kế hoạch chung về khoa học và công nghệ của Bộ chủ quản.

Điều 16. Kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện đề tài, dự án

1. Ban chủ nhiệm Chương trình định kỳ 6 tháng một lần chủ trì, phối hợp với Văn phòng các Chương trình và các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ chủ quản tổ chức thực hiện việc kiểm tra, đánh giá về tiến độ, nội dung khoa học và sản phẩm của các đề tài, dự án theo Hợp đồng đã ký.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra tình hình và kết quả thực hiện của đề tài, dự án và của các Chương trình.

Điều 17. Điều chỉnh nội dung, kinh phí, tiến độ thực hiện

1. Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm đề tài, dự án theo yêu cầu của công việc, được chủ động điều chỉnh dự toán kinh phí giữa các nội dung chỉ được giao khoán trong phạm vi tổng dự toán kinh phí được giao khoán của đề tài, dự án.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ, trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của Chủ nhiệm đề tài, dự án, Tổ chức chủ trì, Ban Chủ nhiệm Chương trình xem xét, quyết định điều chỉnh tối đa hai lần các nội dung sau:

- a) Mục tiêu, sản phẩm, tiến độ thực hiện đề tài, dự án;
- b) Dự toán kinh phí đã được phê duyệt đối với các nội dung chi không được giao khoán của đề tài, dự án.

Các văn bản liên quan đến việc điều chỉnh là bộ phận của Hợp đồng.

Điều 18. Chấm dứt Hợp đồng

1. Bộ Khoa học và Công nghệ, trên cơ sở đề nghị của Văn phòng các Chương trình, Ban chủ nhiệm Chương trình, Tổ chức chủ trì, xem xét, quyết định việc chấm dứt thực hiện Hợp đồng trong các trường hợp sau:

a) Đề tài, dự án gặp các trường hợp khách quan dẫn đến không thể hoàn thành nội dung và mục tiêu được duyệt;

b) Chủ nhiệm đề tài, dự án và Tổ chức chủ trì không đủ năng lực tổ chức quản lý, thực hiện đề tài, dự án; hướng nghiên cứu của đề tài, dự án bị bế tắc hoặc không còn nhu cầu phải nghiên cứu;

c) Vi phạm Hợp đồng: các điều kiện theo Hợp đồng không được bảo đảm dẫn đến đề tài, dự án không có khả năng hoàn thành; đề tài, dự án thực hiện không đúng nội dung nghiên cứu theo Hợp đồng đã ký kết; kinh phí bị sử dụng sai mục đích.

2. Căn cứ quyết định chấm dứt việc thực hiện Hợp đồng, Ban chủ nhiệm Chương trình, Văn phòng các Chương trình, Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm đề tài, dự án thực hiện các thủ tục thanh lý Hợp đồng theo các điều khoản của Hợp đồng đã ký giữa các bên và theo quy định của pháp luật về Hợp đồng.

Điều 19. Đánh giá đề tài, dự án và Chương trình

1. Đánh giá cấp cơ sở đối với đề tài, dự án:

a) Tổ chức chủ trì đề tài, dự án chủ trì tổ chức đánh giá cấp cơ sở đối với đề tài, dự án và hoàn chỉnh hồ sơ về kết quả đánh giá gửi Ban chủ nhiệm Chương trình và Văn phòng các Chương trình để tổ chức đánh giá nghiệm thu chính thức.

b) Ban chủ nhiệm Chương trình phối hợp với Văn phòng các Chương trình kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức đánh giá cấp cơ sở.

2. Đánh giá, nghiệm thu chính thức đối với đề tài, dự án:

a) Ban chủ nhiệm Chương trình chủ trì, phối hợp với Văn phòng các Chương trình tổ chức đánh giá, nghiệm thu chính thức đối với các đề tài, dự án thuộc Chương trình.

b) Bộ Khoa học và Công nghệ kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức đánh giá, nghiệm thu chính thức.

3. Việc đánh giá Chương trình được thực hiện qua ba giai đoạn: đánh giá giữa kỳ, đánh giá kết thúc và đánh giá sau kết thúc.

a) Ban chủ nhiệm Chương trình chủ trì đánh giá kết quả hoạt động Chương trình vào giữa kỳ kế hoạch 5 năm và báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ kết quả đánh giá.

b) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức đánh giá hoạt động Chương trình khi kết thúc thực hiện và sau khi Chương trình đã kết thúc thực hiện.

4. Trình tự thủ tục đánh giá, nghiệm thu đề tài, dự án và Chương trình thực hiện theo văn bản quy định về đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp nhà nước và văn bản quy định về đánh giá nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ tiềm năng do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Điều 20. Công nhận kết quả đề tài, dự án

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ra quyết định công nhận kết quả đề tài, dự án trên cơ sở kết luận của Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu chính thức và đề nghị của Ban chủ nhiệm Chương trình.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ, trên cơ sở kiến nghị của Ban chủ nhiệm Chương trình, xác định trách nhiệm của các bên liên quan, có hình thức xử lý phù hợp theo quy định đối với các đề tài, dự án có kết quả được đánh giá, nghiệm thu chính thức ở mức “không đạt”.

3. Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định công nhận kết quả đề tài, dự án trên cơ sở kết luận đánh giá của Tổ chức tư vấn độc lập.

Điều 21. Thanh lý Hợp đồng

Ban chủ nhiệm Chương trình và Văn phòng các Chương trình tiến hành thanh lý Hợp đồng với Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm đề tài, dự án theo quy định hiện hành. Trong trường hợp đến thời điểm đủ điều kiện thanh lý, Ban chủ nhiệm Chương trình đã kết thúc nhiệm kỳ hoạt động, Văn phòng các Chương trình tiến hành thanh lý Hợp đồng với Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm đề tài, dự án. Mẫu thanh lý Hợp đồng do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Điều 22. Quản lý kết quả của các đề tài, dự án khi Chương trình kết thúc

1. Bộ chủ quản và Tổ chức chủ trì chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, khai thác, chuyển giao các kết quả của đề tài, dự án theo quy định của pháp luật. Quyền sở hữu, quyền tác giả, quyền sử dụng kết quả đề tài, dự án của Chương trình thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.

2. Việc đăng ký lưu giữ kết quả đề tài, dự án thực hiện theo Quy chế đăng ký, lưu giữ và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ ban hành kèm theo Quyết định số 03/2007/QĐ-BKHCN ngày 16/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; Thông tư số 04/2011/TT-BKHCN ngày 20/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đăng ký, lưu giữ và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ ban hành kèm theo Quyết định số 03/2007/QĐ-BKHCN và các văn bản khác có liên quan.

Chương IV

TÀI CHÍNH CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Điều 23. Kinh phí thực hiện các Chương trình

1. Kinh phí thực hiện các Chương trình gồm kinh phí thực hiện các đề tài, dự án thuộc Chương trình và kinh phí tổ chức, quản lý hoạt động chung của Chương trình.

2. Nguồn kinh phí thực hiện các đề tài, dự án gồm kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn khác theo quy định.

3. Kinh phí thực hiện Chương trình được cân đối trong dự toán chi ngân sách khoa học và công nghệ hàng năm và được giao về Bộ Khoa học và Công nghệ để cấp theo Hợp đồng cho các Tổ chức chủ trì thực hiện các đề tài, dự án và để chi cho hoạt động chung của các Chương trình.

Điều 24. Sử dụng kinh phí

1. Kinh phí của Chương trình, đề tài, dự án phải được sử dụng đúng mục đích, theo các quy định quản lý hiện hành.

2. Tài sản của Chương trình, đề tài, dự án được mua sắm bằng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước và tài sản tạo ra trong quá trình thực hiện đề tài, dự án được quản lý theo quy định hiện hành.

Điều 25. Quyết toán kinh phí

1. Báo cáo đề nghị quyết toán kinh phí của đề tài, dự án phải được hoàn tất trước khi tiến hành đánh giá, nghiệm thu.

Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, phê duyệt quyết toán kinh phí của các chương trình, đề tài, dự án và tổng hợp gửi Bộ Tài chính.

2. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định việc kiểm toán hoạt động tài chính của Chương trình, đề tài, dự án để làm căn cứ cho việc quyết toán kinh phí.

Việc quản lý tài chính của Chương trình, đề tài, dự án thực hiện theo văn bản hướng dẫn về quản lý tài chính các Chương trình do Liên Bộ Tài chính và Khoa học và Công nghệ ban hành.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Xử lý vi phạm

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình tổ chức, thực hiện Chương trình, đề tài, dự án nếu vi phạm các quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, của Thông tư này và các quy định khác có liên quan thì tùy tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm bị xử lý theo quy định của pháp luật; buộc bồi

thường kinh phí thực hiện đề tài, dự án; không được tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, trong quá trình tổ chức, quản lý Chương trình không làm đầy đủ trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, đặt ra các thủ tục ngoài quy định hoặc sách nhiễu thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 27. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để hướng dẫn thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng chính phủ (để b/c);
- Các Phó thủ tướng (để b/c);
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Website Chính phủ, Bộ KH&CN;
- Lưu VT, VPCTTĐ.

KT.BỘ TRƯỞNG
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Quân